

Số: /TTr-BVHTTDL

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị định quy định về quản lý và bảo vệ
Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Bộ Văn hóa, Thể Thao và Du lịch kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định về quản lý và bảo vệ Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam (sau đây gọi chung là Nghị định), với những nội dung cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Ngày 23/11/2024, tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 (sau đây gọi là Luật Di sản văn hóa), có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025. Luật gồm 09 chương, 95 điều, tăng 02 chương, 21 điều so với Luật hiện hành (07 chương, 74 điều). Bám sát định hướng của Đảng, các mục tiêu, quan điểm, chính sách lớn được Quốc hội thông qua, Luật Di sản văn hóa đã được xây dựng bài bản, khoa học trên cơ sở tổng kết thực tiễn nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; đồng thời giải quyết những điểm nghẽn về thể chế, đồng bộ với hệ thống pháp luật hiện hành và tương thích với điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Ngày 19/12/2024, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1610/QĐ-TTg ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các Luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp 8. Trong đó, giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng Nghị định quy định về quản lý và bảo vệ Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam để quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện khoản 6 Điều 25 Luật Di sản văn hóa đối với nội dung quy định về quản lý, bảo vệ, phát huy giá trị đối với di sản thế giới theo quy định của Luật Di sản văn hóa, quy định khác của pháp luật có liên quan và quy định, hướng dẫn của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO).

Thực hiện Quyết định số 1610/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Kế hoạch xây dựng Nghị định, thành lập Ban Soạn thảo, Tổ Biên tập xây dựng Nghị định và tổ chức xây dựng dự thảo Nghị định theo quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

2. Cơ sở thực tiễn

Theo tinh thần của Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa VIII): “Chính sách bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc hướng cả vào văn hóa vật thể và phi vật thể”¹, ngày 29/6/2001, Luật Di sản văn hóa chính thức được Quốc hội Khóa X thông qua tại Kỳ họp thứ 9, quy định cụ thể về “các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá; xác định quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với di sản văn hóa ở nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam”, bao quát 03 lĩnh vực: di sản văn hóa phi vật thể, di sản văn hóa vật thể (di tích; di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia) và bảo tàng. Năm 2009, Luật Di sản văn hóa năm 2001 được sửa đổi, bổ sung một số điều, cùng với đó, hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành Luật cũng từng bước được củng cố và hoàn thiện, trong đó, liên quan trực tiếp đến công tác quản lý, bảo vệ các Di sản thế giới, ngày 21/9/2017, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 109/2017/NĐ-CP quy định về quản lý và bảo vệ Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam.

Trên cơ sở quy định pháp luật, việc nhận diện, kiểm kê, xếp hạng, ghi danh, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa đã được triển khai đồng bộ, thống nhất trên cả nước. Đến nay, trên cả nước có hơn 40.000 di tích và khoảng gần 70.000 di sản văn hóa phi vật thể được kiểm kê, 138 di tích quốc gia đặc biệt được Thủ tướng Chính phủ xếp hạng, 3.653 di tích quốc gia, 11.232 di tích cấp tỉnh, 589 di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

Trên phương diện quốc tế, Việt Nam đã khẳng định là một trong những nước thành viên tích cực tham gia cả Công ước của tổ chức UNESCO (phê chuẩn 4 trong số 6 Công ước của UNESCO), đóng góp kinh nghiệm cũng như thể hiện nỗ lực cho việc bảo tồn di sản văn hóa của nhân loại. Đồng thời, tính đến nay, Việt Nam đã có 34 di sản UNESCO công nhận, ghi danh, trong đó có: 08 Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới được UNESCO công nhận theo Công ước 1972 về bảo vệ Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới (Công ước 1972)²; 16 di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh theo Công ước 2003 về Bảo

¹ Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VIII).

² - 08 di sản thế giới gồm: Quần thể Di tích Cố đô Huế (tỉnh Thừa Thiên Huế; được ghi danh năm 1993); Khu Phố cổ Hội An (tỉnh Quảng Nam; ghi danh năm 1999); Khu Di tích Mỹ Sơn (tỉnh Quảng Nam, ghi danh năm 1999); Khu Trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội (thành phố Hà Nội, ghi danh năm 2010); Thành Nhà Hồ (tỉnh Thanh Hóa, ghi danh năm 2011); Vịnh Hạ Long – Quần đảo Cát Bà (tỉnh Quảng Ninh và thành phố Hải Phòng, ghi danh lần thứ nhất với Vịnh Hạ Long năm 1994, năm 2000 và Quần thể Vịnh Hạ Long – Quần đảo Cát Bà vào năm 2023); Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng (tỉnh Quảng Bình; ghi danh lần thứ nhất năm 2003 và lần thứ hai năm 2015); Quần thể Danh thắng Tràng An (tỉnh Ninh Bình; ghi danh năm 2014).

vệ Di sản văn hóa phi vật thể; 10 di sản tư liệu được UNESCO ghi danh theo Chương trình Ký ức Thế giới.

Sau khi các di tích của Việt Nam được UNESCO công nhận Di sản văn hóa và Thiên nhiên Thế giới theo Công ước 1972, việc bảo vệ và phát huy giá trị các di tích này, đồng thời phải tuân thủ quy định của pháp luật về di sản văn hóa của Việt Nam, Công ước 1972, Hướng dẫn thực hiện Công ước và các văn bản liên quan. Theo đó, tùy thuộc điều kiện và tình hình thực tế, các địa phương, nơi có Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới đều thành lập Ban Quản lý di tích, giao trách nhiệm trực tiếp quản lý, sử dụng di sản thế giới; xây dựng và ban hành kế hoạch quản lý di sản thế giới; giám sát chặt chẽ về tình trạng bảo tồn yếu tố gốc của di sản thế giới..., từng bước cải thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản. Sau ghi danh, các di sản thế giới ở Việt Nam ngày càng được nhiều người biết tới, góp phần quan trọng nâng cao hình ảnh của Việt Nam trên thế giới, ít nhiều làm thay đổi uy tín, cơ cấu, diện mạo kinh tế - xã hội của các địa phương nơi có di sản thế giới. Cũng nhờ đó, các di sản này luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt của toàn thể xã hội trong công tác quản lý, bảo vệ, phát huy giá trị di sản.

Trong khu vực Đông Nam Á, Việt Nam là một trong những quốc gia đầu tiên tích cực thực hiện các hoạt động bảo tồn và quảng bá di sản. So với một số quốc gia khác trong khu vực, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong việc bảo vệ di sản thế giới. Chính phủ Việt Nam cũng tham gia các diễn đàn quốc tế, đóng góp ý kiến và kinh nghiệm trong việc bảo tồn di sản, qua đó củng cố vai trò của mình như một thành viên tích cực của UNESCO.

Bên cạnh kết quả đạt được, việc quản lý, bảo vệ các di sản thế giới ở Việt Nam thời gian qua cũng còn một vài bất cập, hạn chế, cụ thể là:

1) Quy định pháp luật về di sản văn hóa chưa kịp thời điều chỉnh để phù hợp với thực tiễn quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản thế giới hiện nay, cụ thể là:

- 08 Di sản thế giới của Việt Nam đều đã có Kế hoạch quản lý, quy chế bảo vệ và phát huy di sản thế giới, nhưng đều chưa cập nhật, điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi diễn ra trong thực tế, cần xây dựng, phê duyệt lại.

- Những nguy cơ ảnh hưởng, yếu tố tác động mới tới giá trị nổi bật toàn cầu của di sản thế giới ngày càng đa dạng cần có sự tham gia mạnh mẽ của các cơ quan chuyên môn và chính quyền nhiều cấp, đồng thời bảo đảm sự minh bạch và khả thi hơn trong triển khai.

- Chưa đồng bộ và phù hợp với các quy định pháp lý của Việt Nam đã sửa đổi hiện hành trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ di sản, như quy định của Luật Di sản văn hóa năm 2024, Luật Đầu tư công năm 2024, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Luật Tổ chức Chính phủ năm 2019, Luật Kiến trúc năm 2019, Luật Quy hoạch năm 2017, Luật Du lịch năm 2017, Luật Thủy sản năm 2017, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật Ngân sách nhà nước năm

2015, Luật Đa dạng sinh học năm 2008,... và các văn bản hướng dẫn thi hành các văn bản Luật nói trên do khung chính sách pháp luật có liên quan đã có nhiều thay đổi trong những năm qua (cụ thể là: trường hợp trong một khu vực di sản thế giới cùng đồng thời tiến hành lập nhiều quy hoạch tổng thể với cùng mục tiêu là bảo vệ các yếu tố gốc tạo nên giá trị của một di sản thế giới, dẫn tới chồng chéo trong quản lý, lãng phí nguồn lực không cần thiết).

- Các quy định về thuật ngữ có liên quan chưa rõ ràng và còn thiếu một số định nghĩa, cần cập nhật và bổ sung các định nghĩa, khái niệm có liên quan công tác bảo vệ và quản lý di sản thế giới. (cụ thể như di sản đa quốc gia, phân vùng chức năng trong khu vực di sản; làm rõ hơn các khái niệm về Hội đồng Di sản văn hóa Quốc gia và Hội đồng Khoa học về bảo tồn di tích)

- Chưa thể hiện rõ được vai trò, quyền lợi và trách nhiệm của cộng đồng, bao gồm cả việc tham gia các dự án phát triển du lịch bền vững trong khu vực có di sản thế giới. (vai trò cộng đồng trong bảo vệ, phát triển và lập kế hoạch quản lý; các quy định cụ thể về quyền lợi, trách nhiệm của cộng đồng, bao gồm cả việc tham gia các dự án phát triển du lịch bền vững, du lịch cộng đồng tại địa phương có di sản thế giới)

- Cần sửa đổi, bổ sung nhằm điều chỉnh cơ sở pháp lý phù hợp với các luật và tình hình phát triển hiện tại, đặc biệt khi Luật Di sản Văn hóa năm 2024 có nhiều nội dung khác biệt.

2) Quy định về cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị trực tiếp quản lý, bảo vệ di sản thế giới còn rất khác nhau, chưa tương xứng với tầm vóc quản lý di sản thế giới, dẫn tới một số trở ngại nhất định trong quá trình vận hành, xử lý công việc, đồng thời chưa phát huy được năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý, bảo vệ di sản thế giới.

Mô hình tổ chức các Ban/Trung tâm quản lý, bảo vệ di sản thế giới hiện nay ở nước ta như sau:

- Các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, gồm: Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên - Huế, Trung tâm Bảo tồn Di sản Thăng Long - Hà Nội trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; Ban Quản lý Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình; Ban Quản lý Quần thể danh thắng Tràng An trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, gồm: Ban Quản lý Vịnh Hạ Long trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long (nhưng lại quản lý toàn bộ Vịnh Hạ Long nằm trên ranh giới của thành phố Hạ Long, thành phố Cẩm Phả và huyện Vân Đồn của tỉnh Quảng Ninh và quần đảo Cát Bà – Hải Phòng); Ban Quản lý di tích và du lịch Mỹ Sơn trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Duy Xuyên (tỉnh Quảng Nam); Trung tâm Bảo tồn di sản văn hóa Hội An trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hội An (tỉnh Quảng Nam).

- Đơn vị trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Trung tâm Bảo tồn di sản văn hóa Thành Nhà Hồ trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Thanh Hóa (di sản nằm trên địa bàn của huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa).

- Các di sản thế giới tại Việt Nam thường được quản lý bởi nhiều tổ chức khác nhau, bao gồm cả cơ quan nhà nước và địa phương, dẫn đến sự chồng chéo trong trách nhiệm và quyền hạn. Ví dụ: Vịnh Hạ Long được quản lý bởi cả Ban Quản lý di sản thiên nhiên và chính quyền địa phương, gây khó khăn trong việc phối hợp hoạt động.

- Thiếu sự phân định rõ ràng giữa các cấp quản lý, đặc biệt tại những khu vực có giá trị phức hợp như Tràng An, dẫn đến sự thiếu hiệu quả trong việc bảo vệ và phát huy di sản.

- Vai trò của cộng đồng địa phương trong việc quản lý di sản chưa được phát huy đúng mức, do thiếu cơ chế hỗ trợ và khuyến khích sự tham gia. Ví dụ: Tại Hội An, nhiều người dân vẫn không tham gia đầy đủ vào các chương trình bảo tồn và phát triển.

- Hợp tác quốc tế trong việc quản lý di sản còn yếu, chưa tận dụng được tối đa nguồn lực và kinh nghiệm quốc tế để hỗ trợ các dự án bảo tồn.

- Công tác nghiên cứu khoa học phục vụ cho hoạt động quản lý di sản còn yếu và chưa đồng đều giữa các khu di sản thế giới, do đó, thiếu những chuyên gia tầm cỡ quốc tế theo tiêu chuẩn của UNESCO trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ các di sản thế giới. Dẫn đến những thách thức về công nghệ và nghiên cứu khoa học.

3) Quy định quản lý và sử dụng nguồn thu, cơ cấu chi tại mỗi địa phương có di sản thế giới còn rất khác nhau; nguồn ngân sách nhà nước dành cho hoạt động chống xuống cấp, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di sản thế giới chưa được bố trí đầy đủ so với mục tiêu đặt ra. Cụ thể:

- Các kế hoạch quản lý cần có thời hạn kế hoạch quản lý là 05 chưa thể hiện mục tiêu dài hạn, chưa có quy định rõ về việc đánh giá và điều chỉnh kế hoạch trong từng chu kỳ, điều này đặt ra yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phải chuẩn bị kỹ lưỡng hơn trong quá trình xây dựng kế hoạch.

- Thực tế hiện nay việc quản lý và sử dụng nguồn thu từ vé tham quan, hoạt động du lịch, dịch vụ tại các di sản thế giới ở mỗi địa phương rất khác nhau. Việc tái đầu tư nguồn thu trở lại cho hoạt động bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di sản thế giới chưa được thực hiện đầy đủ.

- Nguồn tài chính phục vụ cho công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản thế giới còn chưa linh hoạt và thiếu sự tham gia của các nguồn lực bên ngoài nguồn vốn ngân sách nhà nước.

4) Vai trò, trách nhiệm, cơ chế phối hợp quản lý, bảo vệ di sản thế giới của đơn vị trực tiếp quản lý, bảo vệ di sản thế giới và các cơ quan liên quan ở Trung ương, địa phương có di sản thế giới còn chưa rõ ràng, cụ thể, dẫn tới sự chồng chéo trong quản lý, ảnh hưởng tới nhiệm vụ bảo vệ di sản thế giới.

Tăng cường ý kiến của các Hội đồng Khoa học về bảo tồn di sản văn hóa và Hội đồng Di sản Văn hóa Quốc gia trong quá trình thẩm định và phê duyệt Kế hoạch quản lý và Quy chế Bảo vệ Di sản thế giới cũng như quá trình đánh giá, giám sát công tác bảo vệ và quản lý di sản thế giới ở Việt Nam.

- Các quy định việc phối hợp giữa các tỉnh khi di sản thế giới phân bố trên địa bàn từ 02 tỉnh trở lên hoặc di sản đa quốc gia đang còn thiếu và yếu, các điều chỉnh kế hoạch quản lý hiện còn chưa phù hợp với tình hình thực tế.

5) Việt Nam tham gia Công ước Di sản Thế giới từ năm 1987, hiện nay đang là thành viên tích cực tại các diễn đàn của UNESCO về di sản thế giới (Việt Nam đã là Ủy viên Hội đồng chấp hành UNESCO nhiệm kỳ 2015 - 2019 và là một trong 21 Thành viên của Ủy ban Di sản Thế giới nhiệm kỳ 2013 – 2017), đòi hỏi, chúng ta cần hội nhập sâu rộng hơn nữa với quốc tế và UNESCO trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ di sản thế giới.

Từ thực tế nêu trên, đặt ra yêu cầu cần có những quy định cụ thể trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ di sản thế giới, nhằm khắc phục những khó khăn, hạn chế trong công tác quản lý, bảo vệ di sản thế giới ở Việt Nam, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và tình hình phát triển kinh tế - xã hội hiện nay. Vì vậy, việc ban hành Nghị định quy định về quản lý và bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam là cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

Việc hoàn thiện chính sách về quản lý và bảo vệ Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam là cần thiết để cải thiện về pháp lý, phù hợp yêu cầu thực tiễn bảo tồn và các cam kết quốc tế của Việt Nam. Qua đó, không chỉ nâng cao hiệu quả bảo tồn mà còn giúp tối ưu hóa nguồn lực, phát triển bền vững, và tăng cường vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Nghị định được ban hành sẽ trực tiếp góp phần tạo ra môi trường pháp lý thuận lợi, để hoạt động quản lý, bảo vệ di sản thế giới của các tổ chức, cá nhân được điều chỉnh bởi một hệ thống pháp luật ngày càng hoàn chỉnh, hiện đại, phù hợp thực tiễn; tăng cường năng lực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý, bảo vệ di sản thế giới; trở thành ví dụ điển hình trong hoạt động quản lý, bảo vệ các di sản thế giới ở Việt Nam được UNESCO ghi danh và sẽ là bài học kinh nghiệm cho nhiều quốc gia trên thế giới tham khảo, áp dụng; nâng cao vị thế của Việt Nam trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ di sản thế giới tại UNESCO và cộng đồng quốc tế.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành

- Bổ sung, hoàn thiện quy định chi tiết về bảo vệ và quản lý Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc bảo vệ và quản lý Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam, hoàn thiện cơ sở pháp lý bảo đảm đưa nội dung Luật Di sản văn hoá năm 2024 đi vào thực tiễn khi Luật chính thức có hiệu lực thi hành.

2. Quan điểm xây dựng Nghị định

- Tuân thủ quy định của Luật Di sản văn hoá, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ về pháp lý.

- Bảo đảm phù hợp với thực tiễn, khắc phục những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn bảo vệ và quản lý Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam.

- Bảo đảm tính minh bạch, khả thi, dễ tiếp cận, tạo thuận lợi cho việc thực thi có hiệu quả, phục vụ sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định quy định về bảo vệ và quản lý Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc bảo vệ và quản lý Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị định áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến bảo vệ và quản lý Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Ngày 29/3/2024, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã thay mặt Chính phủ, thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình số 119/TTr-CP gửi Quốc hội về Dự thảo Luật Di sản văn hóa năm 2024, trong đó bao gồm cả dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Di sản văn hóa và các dự thảo Nghị định, thông tư có liên quan. Tiếp đó, dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Di sản văn hóa được tiếp tục hoàn thiện thông qua 02 lần Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự thảo cập nhật Luật Di sản văn hóa năm 2024 tại Kỳ họp của Quốc hội vào tháng 5/2024 và tháng 11/2024.

Sau khi Quốc hội thông qua Luật Di sản văn hóa vào ngày 23/11/2024, đồng thời, thực hiện Quyết định số 1610/QĐ-TTg ngày 19/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng dự thảo Nghị định quy định về bảo vệ và quản lý Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam (thời hạn trình Chính phủ trước 15/4/2025), Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã khẩn trương triển khai xây dựng dự thảo Nghị định theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hướng dẫn thi hành, cụ thể:

1. Ban hành Kế hoạch xây dựng Nghị định (Quyết định số /QĐ-BVHTTDL ngày ... tháng... năm).

2. Thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập, nhóm chuyên gia xây dựng Nghị định (Quyết định số /QĐ-BVHTTDL ngày ... tháng... năm .

3. Tổ chức họp Ban soạn thảo, Tổ biên tập, lấy ý kiến đối tượng chịu tác động của dự thảo Nghị định.

4. Tổ chức lấy ý kiến các bộ, ngành, tổ chức có liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các sở, ban ngành có liên quan tại các địa phương, các đối tượng chịu sự tác động; thực hiện đăng tải Hồ sơ trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ và Cổng thông tin điện tử của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị định (Các công văn số...../BVHTTDL-DSVH ngày.... tháng... năm.....).

5. Gửi Hồ sơ đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị định và xây dựng báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp (Công văn số...../BVHTTDL-DSVH ngày.... tháng... năm.....)..

6. Hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định theo Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp; ý kiến của Văn phòng Chính phủ; ý kiến của thành viên Chính phủ.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Dự thảo Nghị định gồm 04 chương, với 22 điều, bố cục như sau:

1. Chương I. Những quy định chung (gồm 03 điều, từ Điều 1 đến Điều 3).

Nội dung Chương này quy định những vấn đề có tính nguyên tắc chung, bao gồm: phạm vi điều chỉnh của Nghị định; đối tượng áp dụng của Nghị định; giải thích những khái niệm chính về di sản thế giới, giá trị nổi bật toàn cầu, tính toàn vẹn, tính chân xác của di sản thế giới, khu vực di sản thế giới và vùng đệm của khu vực di sản thế giới. Trong đó:

- Điều 1. Quy định phạm vi điều chỉnh của Nghị định.
- Điều 2. Quy định đối tượng áp dụng của Nghị định.
- Điều 3. Quy định về các khái niệm chuyên ngành trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ di sản thế giới được sử dụng trong Dự thảo Nghị định.

2. Chương II. Bảo vệ và quản lý di sản thế giới (gồm 13 điều, từ Điều 4 đến Điều 16).

Nội dung Chương này quy định những vấn đề liên quan đến việc bảo vệ và quản lý di sản thế giới. Các quy định tại Chương này tập trung vào những vấn đề: giám sát định kỳ tình trạng bảo tồn yếu tố gốc của di sản thế giới; những vấn đề liên quan đến việc lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch quản lý, quy chế bảo vệ di sản thế giới; nội dung cơ bản của kế hoạch quản lý và quy quy chế bảo vệ di sản thế giới. Trong đó:

- Điều 4. Quy định về giám sát định kỳ tình trạng bảo tồn yếu tố gốc của di sản thế giới.
- Điều 5. Quy định về nguyên tắc lập, thời hạn của kế hoạch quản lý di sản thế giới.
- Điều 6. Quy định về nội dung cơ bản của kế hoạch quản lý di sản thế giới.
- Điều 7. Quy định về thẩm quyền lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch quản lý của di sản thế giới.

- Điều 8. Quy định về thủ tục thẩm định, phê duyệt kế hoạch quản lý di sản thế giới.
- Điều 9. Quy định về điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới.
- Điều 10. Quy định về nguyên tắc xây dựng quy chế bảo vệ di sản thế giới.
- Điều 11. Quy định về nội dung quy chế bảo vệ di sản thế giới.
- Điều 12. Quy định về thẩm quyền xây dựng và phê duyệt quy chế bảo vệ di sản thế giới.
- Điều 13. Quy định về thủ tục thẩm định, phê duyệt quy chế bảo vệ di sản thế giới.
- Điều 14. Quy định về tổ chức được giao quản lý, sử dụng di sản thế giới.
- Điều 15. Quy định về nhiệm vụ của tổ chức được giao quản lý, sử dụng di sản thế giới trong việc trực tiếp thực hiện các hoạt động quản lý, bảo vệ, bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di sản thế giới.
- Điều 16. Quy định về nguồn tài chính phục vụ cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản thế giới.

3. Chương III. Điều khoản thi hành (gồm 04 điều, từ Điều 17 đến Điều 20)

Nội dung Chương này quy định về hiệu lực thi hành nghị định và tổ chức thực hiện. Trong đó:

- Điều 17. Quy định trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện việc thống nhất quản lý nhà nước về di sản thế giới.
- Điều 18. Quy định trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tài nguyên và Môi trường; Xây dựng; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính và các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan khác trong việc quản lý, bảo vệ di sản thế giới.
- Điều 19. Quy định về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - cơ quan chịu trách nhiệm quản lý toàn bộ di sản thế giới ở địa phương mình.
- Điều 23. Quy định trách nhiệm của Ủy ban quốc gia UNESCO Việt Nam trong việc thực hiện các nhiệm vụ do Thủ tướng Chính phủ giao và được quy định tại quyết định về việc kiện toàn Ủy ban quốc gia UNESCO Việt Nam (hiện nay được quy định tại Quyết định số 194/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiện toàn Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam).
- Điều 20. Quy định trách nhiệm của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia (trên cơ sở tiếp thu nội dung quy định tại Quyết định số 1569/QĐ-TTg ngày 19/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia).

4. Chương IV. Điều khoản thi hành (gồm 02 điều, từ Điều 21 đến Điều 22)

- Điều 21. Quy định hiệu lực thi hành.
- Điều 22. Quy định tổ chức thực hiện nghị định.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Về bảo đảm nguồn nhân lực

Quy định của Nghị định cơ bản không làm tăng tổ chức bộ máy và biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước nên sau khi Nghị định được ban hành, nguồn nhân lực bảo đảm thi hành là đội ngũ nhân lực đang thực hiện nhiệm vụ hiện nay của các cơ quan, đơn vị.

2. Về bảo đảm nguồn tài chính

a) Nguồn tài chính được bố trí từ ngân sách nhà nước để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, gồm: biên soạn tài liệu, tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng Nghị định quy định quy định chi tiết một số điều Luật Di sản văn hóa nhằm nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của tổ chức, cá nhân về công tác lưu trữ; biên soạn tài liệu và tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc cơ quan, tổ chức trung ương và địa phương. Việc sử dụng kinh phí phải đúng mục đích, nội dung, chế độ, định mức chi theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với hoạt động thuộc lĩnh vực di sản văn hóa.

b) Các tổ chức đầu tư kinh doanh dịch vụ di sản văn hóa căn cứ các quy định của Nghị định, rà soát các điều kiện về cơ sở vật chất và nhân sự để thực hiện theo đúng quy định nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ lưu trữ cung cấp cho các cơ quan, tổ chức.

Xin gửi kèm theo Tờ trình:

- (1) Dự thảo Nghị định.*
- (2) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức.*
- (3) Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định.*
- (4) Báo cáo lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo Nghị định.*
- (5) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo Nghị định.*
- (6) Báo cáo đánh giá thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị định.*
- (7) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp.*
- (8) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.*
- (9) Bản sao ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức.*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Lê Long Thành (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, PC, DSVH.NT.20.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Hùng